

Bán án số: 91 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2020

V/v: “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hoàng Chân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân

2. Ông Lương Minh Bôn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thanh Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu C, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 56 Nguyễn Thiện Thuật, phường Rạch S, Tp R, tỉnh K. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Quang T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 56 Nguyễn Thiện Thuật, phường Rạch S, Tp R, tỉnh K. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn xin ly hôn ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thu C trình bày:** Bà C và ông T tự tìm hiểu quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2006.

Lý do xin ly hôn: Bà C cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử, sinh hoạt; vợ chồng thiếu tôn trọng nhau, không thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống,

mỗi người có cách suy nghĩ và hành động khác nhau, ông T thường xuyên ăn nhậu không lo làm ăn, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn hay cự cãi với nhau. Bất đồng xảy ra và kéo dài nhiều năm nay, vợ chồng nhiều lần tự hòa giải nhưng không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên bà C và ông T đã ly thân với nhau từ khoảng cuối năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà C xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Lê Anh T, sinh ngày 25/10/2004. Bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản ghi ý kiến người con đều có nguyện vọng muốn được sống với mẹ là bà C và cũng phù hợp theo nguyện vọng yêu cầu nuôi con của bà C.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Lê Quang T** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do, từ khi thụ lý vụ án đến nay ông T vẫn không có văn bản thể hiện ý kiến.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

1. Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định.

Các đương sự cũng thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C; Về con chung đề nghị giao con chung tên Lê Anh T, sinh ngày 25/10/2004 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác nhận không có không yêu cầu tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Do tại phiên tòa ông T vắng mặt không đối chất được nợ chung, tài sản chung, nếu sau này ông T có chứng cứ nợ chung, tài sản chung thì khởi kiện thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu C khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Lê Quang T. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Ông Thái có cư trú tại Số 56 Nguyễn Thiện Thuật, phường Rạch Sỏi, Tp Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Trần Thị Thu C có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và bị đơn ông Lê Quang T vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của bị đơn không làm ảnh hưởng đến phiên Tòa và nguyên đơn cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông T tự tìm hiểu quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2006 là phù hợp theo quy định pháp luật được quy định tại Điều 9 Bộ luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Tại phiên Tòa hôm nay bà C trình bày lý do ly hôn: Bà C cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử, sinh hoạt; vợ chồng thiếu tôn trọng nhau, không thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống, mỗi người có cách suy nghĩ và hành động khác nhau, ông T thường xuyên ăn nhậu không lo làm ăn, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn hay cự cãi với nhau. Bất đồng xảy ra và kéo dài nhiều năm nay, vợ chồng nhiều lần tự hòa giải nhưng không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên bà C và ông T đã ly thân với nhau từ khoảng cuối năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử căn áp dụng Điều 51, Điều 54 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

- Về con chung: Bà C xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Lê Anh T, sinh ngày 25/10/2004. Bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và tại biên bản ghi ý kiến người con đều có nguyện vọng muốn được sống với mẹ là bà C và cũng phù hợp theo nguyện vọng yêu cầu nuôi con của bà C. Xét thấy cháu T sống với bà C từ nhỏ và được bà C chăm sóc chu đáo và cháu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cha mẹ nên Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cho bà C được tiếp tục nuôi dưỡng cho cháu T đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông T có chứng cứ tranh

chấp về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng và tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bà Trần Thị Thu C phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Trần Thị Thu C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0004585 ngày 02/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Lê Quang T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, 35, 39, 227, 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51, Điều 56, 81 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về xin ly hôn và nuôi con chung của bà Trần Thị Thu C đối với ông Lê Quang T.

Tuyên bố bà Trần Thị Thu C được ly hôn với ông Lê Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Anh T, sinh ngày 25/10/2004 cho bà Trần Thị Thu C tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà C và các thành viên trong gia đình không có quyền ngăn cản việc ông T tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Đối với người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông T có chứng cứ tranh chấp về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng và tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác..

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bà Trần Thị Thu C phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Trần Thị Thu C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0004585 ngày 02/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Lê Quang T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21-9-2020). Nếu đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đ/sự;
- VKS Tp Rạch Giá;
- TA tỉnh;
- THA Tp Rạch Giá;
- Nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trương Hoàng Chân